

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI: **Số: 37/2017/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 6 năm 2017

Số:**36**.....
Ngày: **08.6.2017**.
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5 về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc tại Tờ trình số 259/TTr-BDT ngày 11/5/2017 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 127/BC-STP ngày 08/5/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo được thực hiện trên địa bàn các huyện miền núi và các xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo trong giai đoạn 2016 - 2020.

b) Thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi chung là thôn*) thoát nghèo là các thôn thuộc các xã, thị trấn (*sau đây gọi chung là xã*) khu vực I, khu vực II vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2016 - 2020.

c) Xã thoát nghèo là xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2016 - 2020.

d) Huyện thoát nghèo là huyện nghèo theo quy định tại Quyết định số 2115/QĐ-TTg ngày 07/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017-2020 đã thoát nghèo.

3. Hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo

a) Điều kiện áp dụng

Hộ gia đình được UBND xã nơi cư trú công nhận đã thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong giai đoạn 2016 - 2020 liên tục trong 02 năm; có hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập ổn định được UBND xã xác nhận; có cam kết không tái nghèo, tái cận nghèo; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hộ gia đình được hưởng chính sách này sẽ không được công nhận tái nghèo hoặc tái cận nghèo trong những năm sau (*trừ trường hợp bất khả kháng do bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc lao động chính của hộ bị chết hoặc lao động chính mất sức lao động từ 61% trở lên*).

b) Nội dung hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng

Hỗ trợ một lần bằng tiền mặt với mức hỗ trợ là 10 (*mười*) triệu đồng để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập ổn định.

Hỗ trợ chi phí học tập: Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ hưởng chính sách này được hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian tối đa là 02 năm học liên tục kể từ khi hộ gia đình đủ điều kiện hưởng chính sách này. Mức hỗ trợ là 100.000 đồng/học sinh/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế và không quá 09 tháng/năm học.

Biểu dương, khen thưởng: Được Chủ tịch UBND xã nơi cư trú tặng Giấy khen và biểu dương tại Hội nghị tổng kết công tác giảm nghèo của UBND xã; đồng thời, được UBND xã bình chọn 10% số hộ tiêu biểu để trình Chủ tịch UBND huyện xét tặng Giấy khen.

4. Hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát cận nghèo

a) Điều kiện áp dụng

Hộ gia đình được UBND xã nơi cư trú công nhận đã thoát cận nghèo trong giai đoạn 2016 – 2020 liên tục trong 2 năm; có hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập ổn định được UBND xã xác nhận; có cam kết không tái nghèo, tái cận nghèo; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hộ gia đình được hưởng chính sách này sẽ không được công nhận tái nghèo hoặc tái cận nghèo trong những năm sau (*trừ trường hợp bất khả kháng do bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc lao động chính của hộ bị chết hoặc lao động chính mất sức lao động từ 61% trở lên*).

b) Nội dung hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng

Hỗ trợ một lần bằng tiền mặt với mức hỗ trợ là 05 (năm) triệu đồng để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập ổn định.

Biểu dương, khen thưởng: Được Chủ tịch UBND xã nơi cư trú tặng Giấy khen và biểu dương tại Hội nghị tổng kết công tác giảm nghèo của UBND xã; đồng thời, được UBND xã bình chọn 10% số hộ tiêu biểu để trình Chủ tịch UBND huyện xét tặng Giấy khen.

5. Khen thưởng đối với thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn

a) Điều kiện áp dụng

Các thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, xã khu vực II được UBND tỉnh công nhận thoát khỏi tình trạng thôn đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2016 – 2020.

b) Nội dung khen thưởng

Được thưởng một lần với mức 200 (hai trăm) triệu đồng để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho cộng đồng dân cư trên địa bàn thôn.

Được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen và xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

6. Khen thưởng đối với xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn

a) Điều kiện áp dụng

Các xã đặc biệt khó khăn được UBND tỉnh công nhận thoát khỏi tình trạng xã đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2016 – 2020.

b) Nội dung khen thưởng

Được thưởng một lần với mức 01 (*một*) tỷ đồng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho cộng đồng dân cư trên địa bàn xã.

Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

7. Khen thưởng đối với huyện thoát nghèo

a) Điều kiện áp dụng

Các huyện đã được cấp có thẩm quyền quyết định thoát nghèo trong giai đoạn 2017 – 2020.

b) Nội dung khen thưởng

Được thưởng một lần với mức 10 (*mười*) tỷ đồng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện.

Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

8. Kinh phí và nguồn kinh phí

a) Kinh phí: Tổng kinh phí dự kiến thực hiện là 126.920 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 2. Quy trình xác định đối tượng thụ hưởng

1. Xác định hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo thụ hưởng chính sách

a) Hàng năm, đồng thời với nhiệm vụ rà soát, quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm (*theo hướng dẫn của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và chỉ đạo của UBND huyện*), UBND cấp xã rà soát, lập hồ sơ trình UBND huyện phê duyệt danh sách các hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục và danh sách trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông có cha mẹ hưởng chính sách này được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quy định này; danh sách các hộ thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục đủ điều kiện thụ hưởng chính sách theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quy định này; nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách của xã. Hồ sơ của UBND cấp xã trình UBND cấp huyện thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện để thẩm tra, trình UBND huyện xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ UBND cấp xã trình UBND cấp huyện gồm: Tờ trình của UBND cấp xã; bản tổng hợp danh sách hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo và danh sách hộ thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục đủ điều kiện thụ hưởng chính sách; bản tổng hợp danh sách trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông có cha mẹ hưởng chính sách này được hỗ trợ chi phí học tập; tổng hợp kinh

phí thực hiện chính sách của xã; các văn bản cam kết không tái nghèo, tái cận nghèo, mô tả các hoạt động sản xuất kinh doanh đang triển khai tạo ra thu nhập ổn định của hộ có xác nhận của UBND cấp xã (*theo mẫu tại phụ lục 1 kèm theo*).

b) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của UBND cấp xã, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các phòng chức năng liên quan của huyện tổ chức rà soát, thẩm tra: Danh sách hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo và danh sách hộ thoát cận nghèo đủ điều kiện thụ hưởng chính sách theo quy định tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 1 Quy định này; danh sách trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ hưởng chính sách này được hỗ trợ chi phí học tập (*do phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thẩm tra*) và tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt: Danh sách hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục và danh sách hộ thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục đủ điều kiện thụ hưởng chính sách này; danh sách trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ hưởng chính sách này được hỗ trợ chi phí học tập và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

2. Quy trình xác định thôn, xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn

a) Hàng năm, căn cứ Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020 và hướng dẫn của các bộ ngành trung ương, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn UBND các huyện thực hiện rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

b) UBND các huyện chỉ đạo các phòng chức năng của huyện và UBND các xã thực hiện việc rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện thông qua Ban Dân tộc tỉnh.

Quy trình, thủ tục, hồ sơ rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của UBND cấp xã, cấp huyện thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020.

c) Căn cứ hồ sơ rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của UBND các huyện, Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó

khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh (*thông qua Ủy ban Dân tộc*).

d) Căn cứ Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ tướng Chính phủ, Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, tổng hợp danh sách các thôn, xã không còn nằm trong diện thôn, xã đặc biệt khó khăn (*xã khu vực III*) giai đoạn 2016-2020 tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn, xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn làm cơ sở thực hiện chính sách này.

3. Quy trình xét huyện thoát nghèo

a) UBND các huyện căn cứ Quyết định số 2115/QĐ-TTg ngày 07/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017-2020 thực hiện rà soát, đánh giá huyện nghèo và báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

b) Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá huyện nghèo của UBND các huyện, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện thoát nghèo (*thông qua Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*).

c) Căn cứ Quyết định phê duyệt danh sách huyện nghèo, huyện thoát nghèo của Thủ tướng Chính phủ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh thực hiện chính sách đối với các huyện thoát nghèo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các địa phương liên quan triển khai thực hiện chính sách.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành hướng dẫn UBND các huyện rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, tổng hợp kết quả rà soát tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn, xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

c) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hàng năm trên cơ sở đề nghị của đơn vị (*Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND các huyện*), gửi Sở Tài chính để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

d) Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện chính sách ở các địa phương, báo cáo UBND tỉnh và tham mưu tổng kết việc thực hiện chính sách vào cuối giai đoạn.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc rà soát, đánh giá huyện nghèo, huyện thoát nghèo. Tổng hợp danh sách huyện thoát nghèo và dự kiến nhu cầu kinh phí khen thưởng, gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp vào dự toán kinh phí thực hiện chính sách, trình UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài chính*).

3. Sở Nội vụ: Chủ trì, hướng dẫn thực hiện các thủ tục khen thưởng đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, hướng dẫn việc thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ hưởng chính sách này.

5. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán do Ban Dân tộc tỉnh đề nghị, tổ chức thẩm tra, tổng hợp dự toán ngân sách địa phương hàng năm trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định bố trí kinh phí để thực hiện; đồng thời hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền nội dung của chính sách, kết quả thực hiện chính sách nhằm biểu dương, góp phần nhân rộng các điển hình để tạo phong trào trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

7. Các sở, ban ngành có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị có trách nhiệm tuyên truyền nội dung của chính sách; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nội vụ và các địa phương trong tổ chức thực hiện.

8. Ủy ban nhân dân các huyện

Chỉ đạo UBND cấp xã và các cơ quan chuyên môn huyện triển khai thực hiện chính sách trên phạm vi địa bàn huyện. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện chính sách này trên địa bàn huyện.

Phê duyệt danh sách hộ gia đình các hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo, danh sách các hộ thoát cận nghèo thụ hưởng chính sách, danh sách trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ hưởng chính sách này được hỗ trợ chi phí học tập và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách gửi về Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn huyện. Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm. Tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Ban Dân tộc tỉnh*) để xem xét, giải quyết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện miền núi và Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc các huyện miền núi và Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ và thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Ủy ban Dân tộc;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- TT HĐND các huyện;
- Trung tâm Công báo và Tin học;
- Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng n/cứu;
- Lưu: VT, KT.dat124.



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC 1:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH
THỰC HIỆN QUY ĐỊNH HỖ TRỢ, BIỂU DƯƠNG
KHEN THƯỞNG HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO

Họ tên chủ hộ:

Nơi cư trú (thôn, xã, huyện, tỉnh):

.....
 Là hộ đã được công nhận¹ liên tục trong 02 năm (năm 20.... và năm 20....).

Trên cơ sở Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày / /2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020; gia đình tôi cam kết như sau:

1. Tiếp tục tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện có để duy trì kết quả thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững (*nêu hoạt động sản xuất, kinh doanh cụ thể*):

.....

2. Cam kết không tái nghèo, tái cận nghèo sau khi được thụ hưởng chính sách về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình¹ ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

CHỦ HỘ
(ký tên)

¹Đối với hộ thoát nghèo thì ghi “thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo”; đối với hộ thoát cận nghèo thì ghi “thoát cận nghèo”